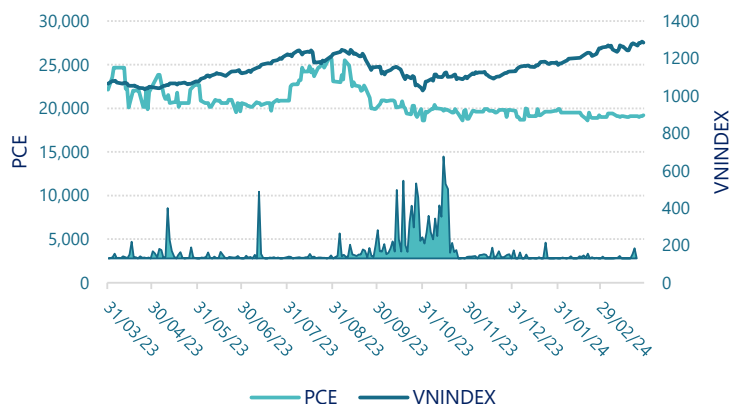


CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (HNX: PCE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	19,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,600
SL cổ phiếu LH	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,615
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
P/E	8.7
EPS	2,216

DT thuần

Q1/24

713

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 151 | 26.9%

YoY: ▲ 27.0 | 4.0%

LN sau thuế

Q1/24

6.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.69 | 128%

YoY: ▲ 1.22 | 22.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

0.8%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2023

3,174

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 316 | -9.1%

LN sau thuế

2023

20.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.80 | -29.5%

ROE

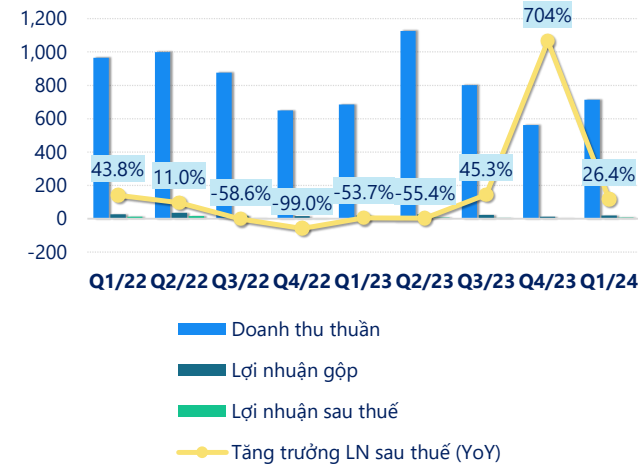
2023

10.8%

+/- YoY: ▼ 3.9%

tỷ VNĐ

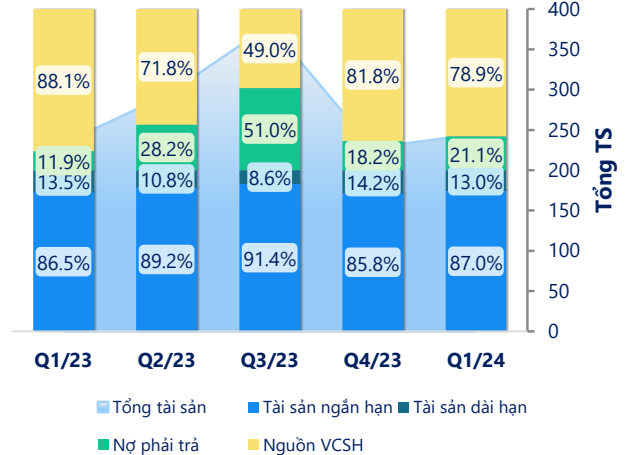
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

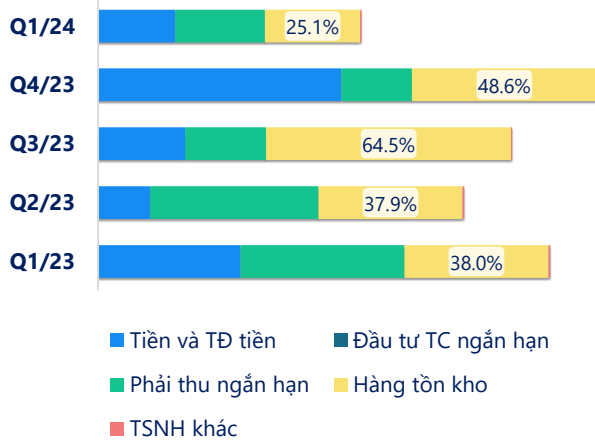
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



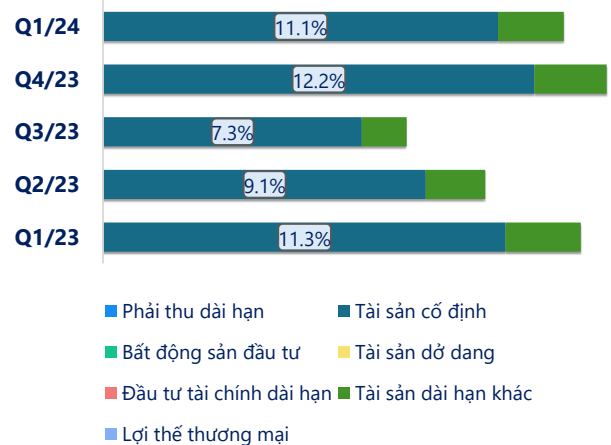
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

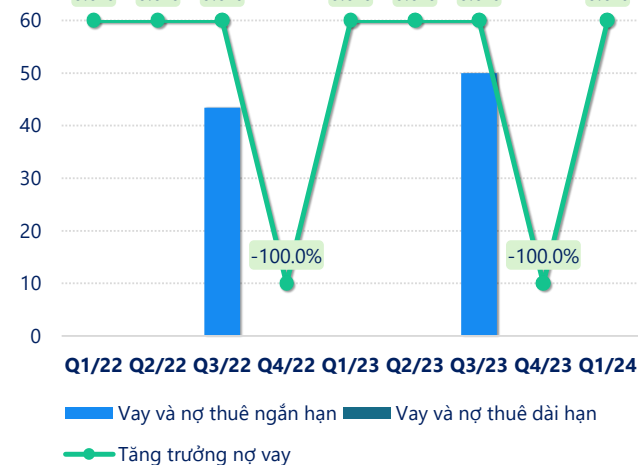
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

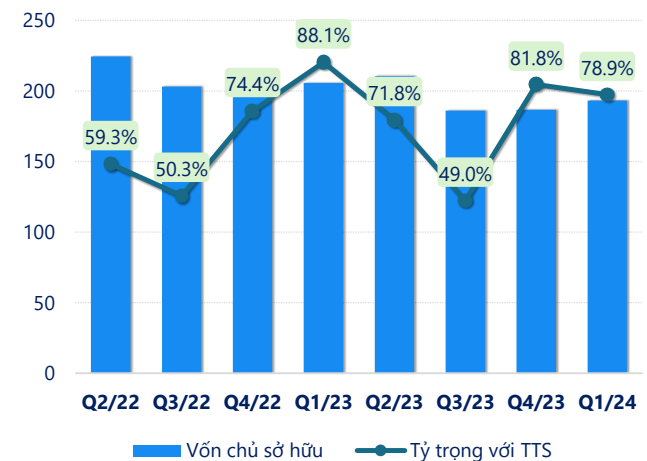
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

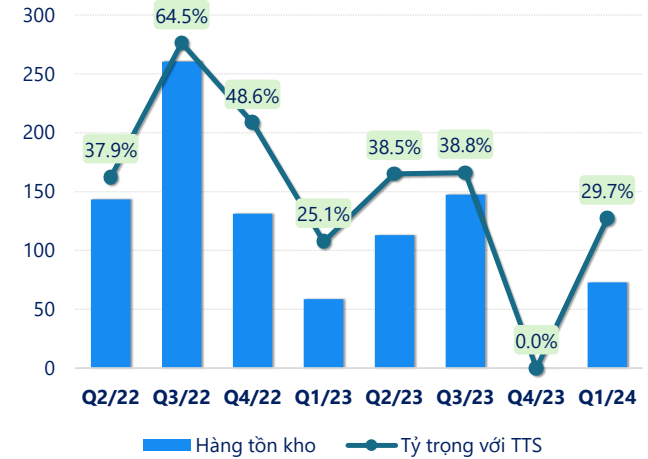
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

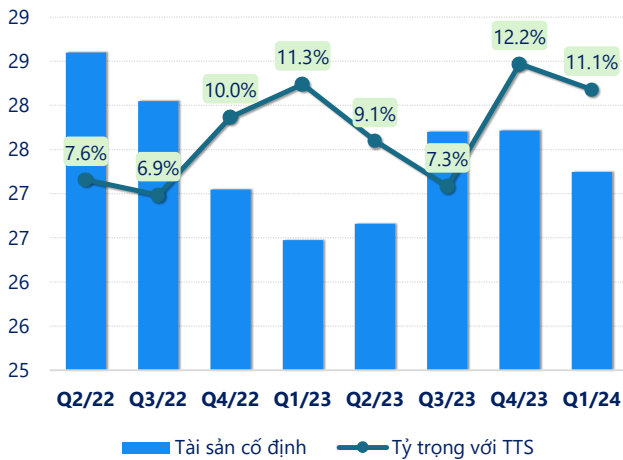
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

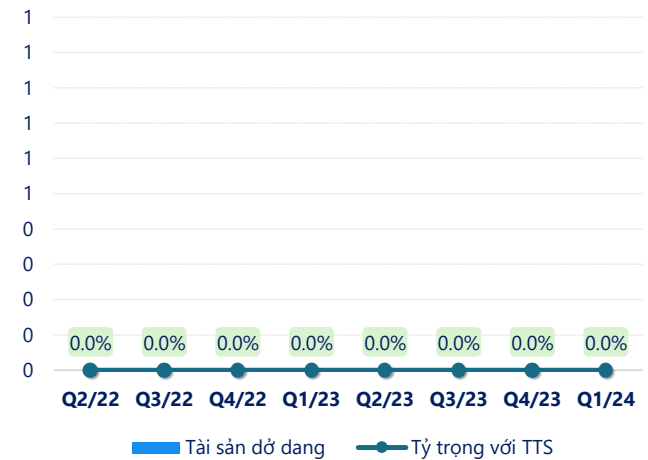
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

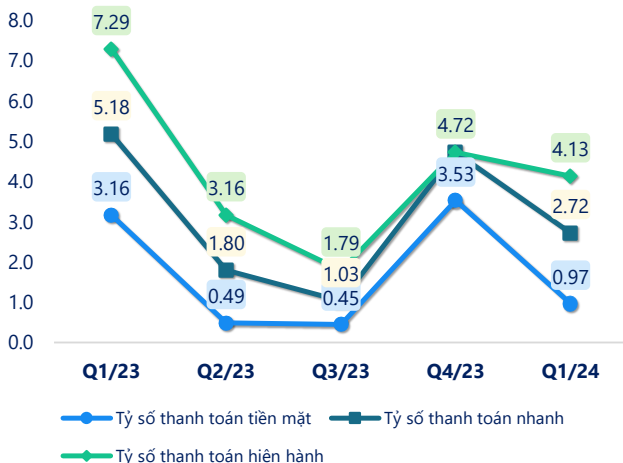
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	233	293	380	228	245
Tài sản ngắn hạn	202	262	347	196	213
Tiền và tương đương tiền	87.6	40.3	86.9	146	49.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	55.0	108	112	49.0	90.0
Hàng tồn kho	58.6	113	147	0.00	72.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.83	0.51	0.77	0.50	0.46
Tài sản dài hạn	31.5	31.6	32.5	32.4	31.8
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04
Tài sản cố định	26.5	26.7	27.7	27.7	27.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.94	4.90	4.79	4.65	4.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	27.7	82.6	194	41.4	51.5
Nợ ngắn hạn	27.7	82.6	194	41.4	51.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	50.0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.95	28.6	11.6	4.89	4.36
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	206	210	186	187	193
Vốn chủ sở hữu	206	210	186	187	193
Vốn điều lệ	100	100	100	100	100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)